**Nữ sĩ Hồ Xuân Hương với thời gian và tầm vóc một danh nhân văn hóa, một thi hào**

**Biện Minh Điền**

**1.** Ngày 23 tháng 11 năm 2021, Đại Hội đồng UNESCO (Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc) đã chính thức thông qua Nghị quyết *Vinh danh và tham gia kỷ niệm năm sinh/ năm mất* của một số danh nhân văn hóa tầm nhân loại, trong đó có 2 nhân vật nổi tiếng của Việt Nam: nữ sĩ Hồ Xuân Hương và nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu. Trong sáu nhân tài đất Việt từng được UNESCO vinh danh (1980: Nguyễn Trãi; 1990: Hồ Chí Minh; 2015: Nguyễn Du; 2019: Chu Văn An; 2021: Hồ Xuân Hương và Nguyễn Đình Chiểu), duy nhất có Hồ Xuân Hương là nữ.

Hồ Xuân Hương là ai? Bao lớp bụi của thời gian và những màn sương huyền thoại từng tạo “nhiễu sóng”, gây khó khăn cho hậu thế khi muốn biết chi tiết, chính xác về lai lịch và hành trạng của bà. “Có” - “có” - “không” - “không” ư? ***Không có - Nhưng mà có - Mới Ngoan***! Lời “thách đố”, “trêu ngươi” đồng thời cũng là lời khẳng định - một phát ngôn trong hệ thống diễn ngôn mang phong cách “lưỡng trị”/ “đa trị” của bà cách đây hơn 200 năm khiến nhân loại từng hưng phấn ráo riết kiếm tìm chân dung người đàn bà họ Hồ “trác việt” với biệt danh mang nghĩa thật đẹp: Hương sắc mùa Xuân. Nhiều thế hệ công chúng độc giả và giới nghiên cứu ở trong cũng như ngoài nước, bằng nhiều con đường, nhiều phương pháp khác nhau, từng cất công lặn lội kiếm tìm *tiểu sử, chân dung, các mối quan hệ, thi pháp, phong cách* và *nhiều vấn đề khác* về Hồ Xuân Hương qua các thi tập đa dạng, độc đáo, tài hoa của bà: *Thơ Nôm* truyền tụng (mảng thơ viết bằng chữ Nôm, được truyền tụng phổ biến trong dân gian, khoảng trên 100 bài), *Lưu hương ký* (gồm 24 bài thơ chữ Hán và 28 bài thơ Nôm), *Hương đình cổ nguyệt thi tập* (gồm 9 bài thơ chữ Hán), *Đồ Sơn bát vịnh* (gồm 8 bài thơ chữ Hán), *Đề Vịnh Hạ Long* (gồm 5 bài thơ chữ Hán),…

Bao nhiêu người đã không ngừng tìm kiếm Hồ Xuân Hương. Nhưng, càng tìm, càng… muốn tìm tiếp! Tất cả các tác phẩm (vừa nêu trên) - *Này của Xuân Hương* là của một Hồ Xuân Hương (1772 - 1822) - con gái ông Hồ Phi Diễn (1704 - 1786), một nhà nho ở làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An? Có hai Hồ Xuân Hương khác nhau qua hai loại hình thơ chữ Hán (tiêu biểu là *Lưu hương ký*) và thơ chữ Nôm (tiêu biểu là mảng *thơ Nôm* truyền tụng)? Hồ Xuân Hương *Ví đây đổi phận làm trai được* có phải là nam giới giả giọng nữ? Hồ Xuân Hương *Bảy nổi ba chìm với nước non* phải chăng là vầng trăng đáy nước? Hồ Xuân Hương từng ngạo nghễ *ghé mắt trông ngang*, từng ngang dọc *Tung hê hồ thỉ bốn phương trời…* mà sao vẫn cứ như là… “Bí ẩn đi nhón gót” giữa loài người?...

Có biết bao nhiêu câu hỏi? Hình như ở đây, vừa có sự “khiêu khích”, *Chơi xuân có biết xuân chăng tá?*, vừa có chút nhắn gửi người đời *Đừng xanh như lá bạc như vôi* của nữ sĩ? Dẫu sao, mặc lòng! *Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn*/ *Mà em vẫn giữ tấm lòng son*! Hồ Xuân Hương vẫn cứ là Hồ Xuân Hương, vẫn cứ hiển hiện, trẻ trung, tự tin, đầy sức sống, bất chấp thời gian, như biệt danh của bà:

*Tài tử văn nhân ai đó tá?*

*Thân này đâu đã chịu già tom*!

Và giờ đây, đã hiển hiện một xác tín: Hồ Xuân Hương - nữ sĩ, một người con trác việt của dân tộc, xuất phát từ xứ Nghệ, là một hiện tượng văn hóa độc đáo, là “Bà chúa thơ Nôm”. Hơn thế, Hồ Xuân Hương - một *Danh nhân văn hóa* mang tầm vóc nhân loại, là nhà thơ mang tầm vóc một *Thi hào*. UNESCO đã tỏ ra rất tinh tường khi trao sứ mệnh vinh quang cho nữ sĩ Hồ Xuân Hương: sứ mệnh truyền cảm hứng và lan tỏa ảnh hưởng tích cực đến mọi con người trên trái đất.

**2.** Hồ Xuân Hương là một hiện tượng văn hóa đặc biệt. Nhận ra một Hồ Xuân Hương như vậy, thực ra là đã có cả một quá trình tìm hiểu, nghiên cứu nghiêm túc, công phu, không chỉ ở phạm vi trong nước mà còn cả ở phạm vi khu vực và quốc tế. Với UNESCO, cứ liệu tham khảo có vai trò quan trọng hàng đầu là giá trị văn hóa do một nhân vật nào đó tạo ra phải có ý nghĩa nhân loại và được thừa nhận rộng rãi trên phạm vi quốc tế. Từ góc nhìn này, người ta thấy gì về đóng góp của nữ sĩ Hồ Xuân Hương (Việt Nam)? Người ta nhận thấy Hồ Xuân Hương là “một người phụ nữ, gây kinh ngạc với tính cách tự do và vượt ra ngoài chính thống” (*Từ điển các tác phẩm mọi thời đại và mọi quốc gia*)(1); “Trong cuộc đấu tranh của phụ nữ suốt nhiều thế kỷ, sự nghiệp của Hồ Xuân Hương là ngọn hải đăng”, “thiên tài của bà còn là ở chỗ, dám đấu tranh công khai chống lại sự chính thống của đạo Khổng, bọn quan lại, tệ tham nhũng, những ông đồ gàn, thói giả nhân giả nghĩa trong xã hội”, “Bà hết sức hiện đại và cuộc đấu tranh của bà là cuộc đấu tranh của chúng ta” (Jean Ristat - nhà thơ Pháp)(2); “Tên tuổi Hồ Xuân Hương bùng lên như pháo sáng trong văn học cổ điển Việt Nam”, bà là “là hiện tượng quái kiệt”, dám “phá bỏ những quy tắc và thói quen vốn vẫn trói buộc văn học Việt Nam vào những quan niệm của người Trung Quốc; tố cáo, nhạo báng một cách không thương tiếc những kẻ giả dối, ngu dốt, bọn quan lại bỉ ổi, hủ bại, bảo thủ gắn liền với những nguyên tắc của Nho giáo”(3) (Hữu Ngọc & Françoise Correze); Thơ Hồ Xuân Hương là “thi thánh” (La Trường Sơn- Trung Quốc)(4); “Thơ Hồ Xuân Hương trở thành một hiện tượng trong đời sống văn học Mỹ”, “là một sự kiện văn hóa lịch sử lớn”, “có thể làm thay đổi nhận thức về văn hóa Việt Nam” (John Balaban và Nhà xuất bản Publisher Copper Canyon Press, Hoa Kỳ)(5); v.v… Cho đến lúc này (2021), thơ Hồ Xuân Hương đã được dịch ra 13 thứ tiếng khác nhau trên thế giới (Nga, Pháp, Anh, Đức, Trung Quốc, Slovakia, Ba Lan, Bungari, Rumania, Finland (Phần Lan), Séc, Tây Ban Nha, Hàn Quốc). Rất có thể sau khi UNESO tổ chức vinh danh và kỷ niệm 200 năm năm mất Hồ Xuân Hương (2022), số quốc gia muốn dịch thơ bà sang tiếng nước mình sẽ còn tiếp tục. Tuy nhiên đây là công việc vô cùng khó khăn. Tiếng Việt, đặc biệt qua thơ Hồ Xuân Hương là một thứ ngôn ngữ nghệ thuật đa nghĩa, nhiều hàm ý, quá sắc sảo, độc đáo và tài hoa, đầy thách thức đối với các “tài tử”, “văn nhân” đương đại khi chuyển ngữ/ dịch thơ bà sang tiếng nước mình. Dẫu vậy, mong rằng *Có phải duyên nhau thì thắm lại*!

Ngay từ những năm 60 của thế kỷ XX, một số học giả người Nga khi dịch, biên soạn và chú giải thơ Hồ Xuân Hương sang tiếng Nga đã nhận thấy Hồ Xuân Hương là một hiện tượng văn hóa(6). Từ công trình này, từ ý kiến của các soạn giả và M. Bakhtin, Vương Trí Nhàn đã có những nhận xét, gợi ý rất đáng lưu tâm về “cách tiếp cận mới đối với hệ thống mỹ học của Hồ Xuân Hương”, về so sánh Hồ Xuân Hương - Việt Nam với François Rabelais - Văn hào, thiên tài người Pháp (1483? - 1553, thời Phục hưng), Hồ Xuân Hương với François Villon - Thi hào Pháp (1431 - 1463), Hồ Xuân Hương với một nhân vật của Fyodor Dostoievski - Văn hào Nga (1821 - 1881) do Jaroslavtsev nêu ra,… Đúng như đề xuất của Vương Trí Nhàn từ gợi ý của N.I. Nikulin, Gennady Yaroslavtsev và M. Bakhtin: “mang thơ Hồ Xuân Hương đặt bên sáng tác của những văn hào nổi tiếng khác, mang con người Xuân Hương đặt bên những tính cách đã thành tiêu biểu trong văn học thế giới”, “giúp chúng ta đến với nhà nữ thi sĩ kỳ tài và những sáng tác của bà bằng những nẻo lối mới có kết quả hơn”(7). Constantin Lupeanu- người đã dịch thơ Hồ Xuân Hương sang tiếng Rumani cũng đã nhận thấy những gặp gỡ tương đồng giữa Hồ Xuân Hương và François Rabelais khi xác định: “Nhà văn duy nhất được so sánh với bà là François Rabelais”(8). Nhìn Hồ Xuân Hương từ góc nhìn văn hóa và nhân học văn hóa là một hướng đi có nhiều triển vọng, và thực tế ở Việt Nam, một số nhà nghiên cứu đã có những đóng góp quan trọng trong nghiên cứu nhiều hiện tượng văn học, đặc biệt trong đó là hiện tượng Hồ Xuân Hương...

**3.** Thơ Hồ Xuân Hươngcho thấy bà thực sự mang tầm vóc một thi hào. Ngay từ những năm 50 của thế kỷ XX (1959), Xuân Diệu là người đã sớm nhận ra tầm vóc thi hào ở Hồ Xuân Hương khi ông viết *Ba thi hào dân tộc* (Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương). Thi hào là nhà thơ lớn, nhà thơ kiệt xuất; có tư tưởng và cái nhìn xuyên thời đại - có tình cảm sâu sắc, rộng lớn - và bút lực nghệ thuật ở trình độ bậc thầy (thiên tài). Phạm Nhữ Dực (thế kỷ XV) xem *thi hào* là người có vị thế, tâm thế uy nghi, đĩnh đạc: *Thi hào hổ thị thiên lâm túc* (Thi hào/ nhà thơ lớn như con hổ nhìn hàng nghìn khu rừng im phăng phắc)... Hồ Xuân Hương là người hội đủ mọi điều kiện để thỏa mãn danh xưng *Thi hào*, người nghệ sĩ lớn của mọi thời đại. Giá trị và sức sống của thơ bà chứng minh một cách thuyết phục điều này.

Thơ Hồ Xuân Hương thể hiện một tư tưởng nhân văn, nhân bản mang tính nhân loại sâu sắc với hạt nhân là đấu tranh đòi quyền sống, quyền yêu đương, hạnh phúc cho con người, trước hết là người phụ nữ. Con người trong thơ bà là con người với tư cách là những thực thể tồn tại trên mặt đất với mọi nhu cầu trần thế, nhu cầu hiện sinh chính đáng. Có thể nói tiếng nói vang dội nhất trong thơ Hồ Xuân Hương là tiếng nói đấu tranh đòi nữ quyền: quyền bình đẳng, quyền được yêu thương, hạnh phúc, quyền được công khai hiện diện trong cuộc sống với tất cả những gì mà tạo hóa ban cho người phụ nữ và cho con người (lớp nghĩa thứ hai/ phồn thực trong các bài thơ của bà: *Bánh trôi nước, Thiếu nữ ngủ ngày, Đèo Ba dội, Động Hương Tích, Vịnh cái quạt*, *Dệt cửi*, *Đánh đu*, v.v…). Song song với tiếng nói đánh thức, khơi gợi diệu kỳ khó ai có thể làm được ấy là tiếng nói phê phán mạnh mẽ các thế lực (chế độ phong kiến, giáo lý Nho giáo, các giới/ loại người “phàm phu, tục tử”) đã tạo ra những ràng buộc vô lý đối với con người, tạo ra sự bất bình đẳng giới (nam/ nữ), tạo ra những lề thói, hủ tục cản trở sự tiến bộ (*Lấy chồng chung, Không chồng mà chửa, Thân phận người đàn bà*, v.v…). Bà cũng phê phán không khoan nhượng tệ tham nhũng, giả dối, lọc lừa của mọi hạng người vô liêm sỉ trong xã hội, từ bọn quan lại, những kẻ có quyền thế cho đến các thầy đồ, sư sãi rởm (*Chùa Quán sứ, Sư hổ mang, Kiếp tu hành, Đồng tiền hoẻn*, v.v…)…

Thơ Hồ Xuân Hương đồng thời thể hiện một quan niệm văn hóa và thẩm mỹ độc đáo chưa từng có về tính dục, về đời sống bản năng, trần tục của con người.Trong thơ bà có cả một thế giới biểu tượng sống động, phong phú, đa dạng, đặc biệt là biểu tượng phồn thực - biểu tượng về thân xác và tính dục, về cái trần tục của đời sống bản thể, hiện sinh của con người. Các biểu tượng phồn thực trong thơ Hồ Xuân Hương, “phong phú đến mức có thể phân loại được thành nhiều kiểu”; “lại còn có thể chia thành hai loại: biểu tượng gốc và biểu tượng phái sinh”; “với hệ thống biểu tượng phái sinh, Hồ Xuân Hương đã dám chống lại truyền thống, cắt bỏ mọi dây rợ ràng buộc, cất mình bay lên khoảng không sáng tạo. Ám ảnh như một cánh diều…”(9).Với cái nhìn thẩm mỹ độc đáo và cách kiến tạo ngôn ngữ đa nghĩa, lưỡng trị, nhiều hàm ý, “tục mà thanh - thanh mà tục” thể hiện qua nhiều bài thơ tinh tế, tài hoa vào loại có một không hai, Hồ Xuân Hương đã nâng tất cả các biểu tượng về tính dục, về cái trần tục… thành văn hóa, thành mỹ học về cái tục, tạo bước tiến mới cho văn hóa, văn học Việt Nam, đóng góp xuất sắc cho văn hóa, văn học thế giới.Hoàn toàn có cơ sở để khẳng định Hồ Xuân Hương là hiện thân của sự sống, sự vận động, của tinh thần lạc quan, yêu đời; là hiện thân của ý thức đấu tranh không khoan nhượng với tất cả những gì là ngu xuẩn, phi nhân, vô văn hóa.Tất cả những điều đó đều được biểu hiện sinh động, có sức cuốn hút khó cưỡng trong thơ bà.

Tương ứng với tinh thần, ý thức, tư tưởng nhân văn ấy, là hệ thống các phương thức, phương tiện nghệ thuật (bút pháp, thể loại, giọng điệu, ngôn ngữ, biểu tượng,…) được nữ sĩ vận dụng và thực thi đầy linh hoạt, sáng tạo, biến hóa.Thơ Hồ Xuân Hương với nhiều bài đạt tầm kiệt tác, xứng đáng là một đỉnh cao của thơ Nôm (tiếng Việt), là một hiện tượng hiếm có trong văn học thế giới. Phong cách với cá tính sáng tạo độc đáo của Hồ Xuân Hương chắc chắn sẽ còn là vấn đề hấp dẫn cho những công trình nghiên cứu tiếp theo. Điều tôi muốn nhấn mạnh ở đây là các yếu tố ngoại lai với đầy những quy phạm, ràng buộc (nhất là thể thơ Đường luật - Trung Quốc) qua ngòi bút Hồ Xuân Hương trở nên như là hiện tượng “phá bĩnh”, “nổi loạn”; “phá bĩnh”, “nổi loạn” nhưng vẫn không làm hỏng, làm mất “mẫu gốc”. Cái khó của người nghệ sĩ thời trung đại là cùng lúc phải “múa bằng cả hai tay”, phải xử lý giỏi đồng thời cả hai cực: quy phạm và bất quy phạm. Các thể thơ *thất ngôn bát cú* và *thất ngôn tứ tuyệt* qua ngòi bút của Hồ Xuân Hương một mặt vẫn đảm bảo yêu cầu của thi pháp và phong cách thời đại; mặt khác luôn được tạo sinh, làm mới trên cả ba phương diện: chức năng, nội dung và thi pháp thể loại; một mặt được Việt hóa, cá tính hóa, mặt khác nhân loại hóa, phổ quát hóa các nội dung và ý nghĩa xã hội - thẩm mỹ của các hiện tượng đời sống cần chiếm lĩnh. Ngôn ngữ thơ Hồ Xuân Hương có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa ngôn ngữ bác học, ngôn ngữ dân gian và ngôn ngữ đời sống, giàu màu sắc bình dân nhưng lại hết sức uyên thâm, đậm dấu ấn cá nhân - cá thể. Đấy là một thứ ngôn ngữ thơ giàu tính năng sản, giàu tính tạo hình và biểu cảm, giàu chất thơ, tính thơ, nhất là hệ thống động - tính từ và hệ thống từ láy (dĩ nhiên, xét trong hệ thống chỉnh thể tác phẩm). Những *Cửa son đỏ loét* ***tùm hum*** *nóc/ Hòn đá xanh rì* ***lún phún*** *rêu* (Đèo Ba Dội); *Một trái trăng thu chín* ***mõm mòm****/ Nảy vừng quế đỏ, đỏ* ***lòm lom*** (Trăng thu)*;* những *Bày đặt kìa ai* ***khéo khéo*** *phòm/ Nứt ra một lỗ* ***hỏm hòm hom*** (Động Hương Tích); *Kẽ hầm rêu móc trơ* ***toen hoẻn****/ Luồng gió thông reo vỗ* ***phập phòm*** (Hang Cắc Cớ); những *Hai chân đạp xuống* ***năng năng*** *nhắc/ Một suốt đâm ngang* ***thích thích*** *mau* (Dệt cửi), v.v… thách đố bất cứ ai có thể dịch thơ bà sang một thứ tiếng khác thành công trên cả hai phương diện từ láy và nghĩa hàm ẩn. Các đấng “hiền nhân”, “quân tử” thời bà Hồ Xuân Hương một mặt do bệnh sĩ và thói đạo mạo, “mẫu mực” của nhà nho (mặc dầu các vị ấy “ban đêm” đều “tần mần như ma” cả), mặt khác do thiếu hẳn đặc trưng giống (nữ) với sự mẫn cảm và ẩn ức của bản năng thiên phú (nữ giới), tôi tin, họ không dám, không thể và càng không thể viết thành công, độc sáng như vậy được.

**4.** Thơ Hồ Xuân Hương có sức lan toả sâu rộng và tính cộng hưởng mạnh mẽ, tạo nên hiện tượng “đồng sáng tạo” hiếm có.Nếu như Nguyễn Du với *Truyện Kiều* từng tạo nên hiện tượng “Bói Kiều”, Tập Kiều”, “Lẩy Kiều”, “Vịnh Kiều”, “Đố Kiều”, “Ngâm Kiều”,... thì Hồ Xuân Hương với thơ Nôm, không ngừng tạo nên hiện tượng parody (nhại) hết sức thú vị.Parody (nhại)là một hiện tượng mang tính quy luật và cũng đầy phức tạp trong sáng tác cũng như tiếp nhận văn học, nghệ thuật. Trên phương diện lý thuyết, các nhà nghiên cứu từ chủ nghĩa hình thức Nga đến M. Bakhtin; từ Gerard Genette tới Linda Hutcheon, Margaret A. Rose, Simon Dentith,... đã từng bàn đến nhiều về mục đích, chức năng, vai trò và các hình thức parody (nhại). Nhiều quan niệm khác nhau, từng quan quan niệm có ưu, nhược điểm riêng. Theo M. Bakhtin, Parody (nhại)cũng là một kiểu carnival hóa (carnivalization). Hiện tượng parody (nhại) thơ Hồ Xuân Hương chỉ là một dạng bắt chước, mô phỏng, tái chế, “nhái” như một trò chơi vui từ văn bản gốc (hypotext), không hề làm tổn hại tới văn bản bị nhại (mà ở đây là thơ Hồ Xuân Hương). Nhiều bài thơ của bà được người đương thời và người đời sau một mặt nhại theo để tạo nên sản phẩm mới, mặt khác mượn nguyên dạng để “thay lời muốn nói” theo nhiều hoàn cảnh, tình huống khác nhau. Chính vì thế, việc parody (nhại) hay sáng tác theo mẫu gốc thơ Hồ Xuân Hương không làm mất đi một Hồ Xuân Hương cá nhân - cá tính, mà ngược lại, càng nâng tầm nhà thơ lên vị trí là người khai sáng cho một loại hình thơ hấp dẫn, gắn với đời sống và có sức sống trường tồn với thời gian.

Xưa nay, những kiệt tác của các thi hào, văn hào, phần lớn đều trở nên là những “thao trường”, thậm chí là “chiến trường” tranh cãi, xung đột, lắm khi quyết liệt giữa những quan niệm tiếp nhận và nghiên cứu khác nhau của các trường phái, lưu phái, nhóm, cá nhân... Trong văn học Việt Nam có thể thấy có bốn hiện tượng tiêu biểu điển hình cho sự thu hút mạnh mẽ sự “tranh cãi” như vậy: Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương (thời trung đại), Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Huy Thiệp (thời hiện đại). Đặc biệt hơn, sáng tác của Nguyễn Du (nhất là *Truyện Kiều*) và thơ Hồ Xuân Hương (nhất là mảng *thơ Nôm* được truyền tụng) là nơi được đưa ra vận dụng, thử nghiệm nhiều phương pháp nghiên cứu theo nhiều lý thuyết khác nhau, từ *Xã hội học* (Sociology), *Văn hóa học* (*Culturology*), *Phân tâm học* (Psychoanalysis), *Lý thuyết thông tin* (Information Theory), *Nhân học văn hóa* (Cultural anthropology), *Phong cách học* (Stylistics), *Thi pháp học* (Poetics), *Mỹ học tiếp nhận* (Receptional Aesthetic), *Thuyết người đọc* (Reader Theory), *Mỹ học Mác-xít* (Cosmetology Marxist),... đến *Chủ nghĩa hiện sinh* (Existentialism), *Nữ quyền luận* (Feminism), *Hình thức luận* (Formalism), *Cấu trúc luận* (Structuralism), *Liên văn bản* (intertextuality), thậm chí cả *Chủ nghĩa hậu hiện đại* (Postmodernism), v.v… Nhiều phương pháp nghiên cứu theo nhiều lý thuyết khác nhau, đáng nói nhất là *Phân tâm học* (Psychoanalysis), từng được vận dụng vào tiếp cận, nghiên cứu *Truyện Kiều* của Nguyễn Du cũng như thơ Hồ Xuân Hương. Với trường hợp *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, người nghiên cứu đã có những thất bại, thậm chí là thảm họa. Với trường hợp thơ Hồ Xuân Hương, rất mừng là đã có những thành công... Nhưng điều quan trọng tôi muốn nói ở đây là sức hấp dẫn, thu hút và sự lan tỏa đến không cùng của *Truyện Kiều* (Nguyễn Du) cũng như thơ Hồ Xuân Hương. Và chính thơ Hồ Xuân Hương cũng như *Truyện Kiều* của Nguyễn Du đã cung cấp thêm cho nhiều lý thuyết những dữ liệu mới “đắt giá”.

Thơ Hồ Xuân Hương và *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, mặc dầu khác hẳn nhau về phong cách và thể loại, về chủ thể diễn ngôn,... nhưng cả hai đều là những hiện tượng văn hóa, văn học kiệt xuất, đều hàm chứa nhiều vấn đề sâu sắc, phức tạp, bí ẩn của con người ở nhiều thời đại, không chỉ của dân tộc mà còn của nhân loại, lại được thể hiện bằng bút lực của những thi hào, những thiên tài thực sự. Đấy là lý do cơ bản tạo nên sức hấp dẫn, thu hút và sự lan tỏa mạnh mẽ đến mọi người của *Truyện Kiều* (Nguyễn Du) và thơ Hồ Xuân Hương. Từ phương diện này, có thể thấy Hồ Xuân Hương và Nguyễn Du, họ xứng đáng là những tri âm tri kỷ không thể thay thế được của nhau...

**Chú thích**

(1). Dictionnaire des oeuvres de tous les temps et de tous les pays - Société d’édition de dictionnaires et encyclopédies, Laffont - Bompiani, SEDE, Paris 1962, Livre 4, p.738.

(2). Jean Ristat, Lời giới thiệu Tuyển tập thơ Hồ Xuân Hương được dịch sang tiếng Pháp (Anthologie des poèmes de Hồ Xuân Hương, Paris, 1987).

(3). Hữu Ngọc & Françoise Correze, Hồ Xuân Hương ou le voile déchiré, Fleuve Rouge, Ed en langue étrangère, Hanoi - 1984.

(4). La Trường Sơn (chú dịch và bình giải), Việt Nam Nữ thi thánh Hồ Xuân Hương Hán Nôm truyền tụng thi tuyển, (罗长山译注与评介, 越南女诗圣胡春香汉喃传诵诗选), Nxb Thế giới, Hà Nội, 2001.

(5). Thơ Hồ Xuân Hương (John Balaban dịch sang tiếng Anh: Hương sắc mùa xuân: Thơ Hồ Xuân Hương), Nxb Copper Canyon Press, Hoa Kỳ, 2000 (Spring Essence: The Poetry of Ho Xuan Huong, Published by Copper Canyon Press,U.S., United States, 2000).

(6). Thơ Hồ Xuân Hương, Gennady Yaroslavtsev dịch từ tiếng Việt, N.I. Nikulin biên soạn và chú giải, Nxb Khoa học, Maxcova, 1968 (Хо Суан Хыонг. Стихи. Перевод с вьетнамского Геннадия Ярославцева. Составление и коментарии Н. И. Никулина. Москва. Наука. 1968 г).

(7). Vương Trí Nhàn, “Hồ Xuân Hương với Rabelais, Villon và Dostoievski”,

https:// vuongtrinhan.blogspot.com/2012/04/ho-xuan-huong-voi-rabelais-villon-va.html

(8). Xuan Huong Poeme (Mira & Constantin Lupeanu), Qilinul din Jad, 2006.

(9). Đỗ Lai Thúy, Hồ Xuân Hương hoài niệm phồn thực, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1999, tr.113 - 115.